



suí dì

随地

adverb · anywhere; everywhere (inappropriately)

Example Sentences

Qǐng bù yào suí dì tǔ tǎn
请 不要随地吐痰。

Please do not spit anywhere.

Tā men suí dì luàn rēng lā jī hěn bù wén míng
他们随地乱扔垃圾，很不文明。

They littered everywhere, which is very uncivilized.

Gōng yuán lǐ jìn zhǐ suí dì dà xiǎo biàn
公园里禁止随地大小便。

Urinating or defecating anywhere in the park is prohibited.

Trace each character, then write the word on your own.

随	随	随	随	随	随	随	随	随	随	随
随	随	随								

地	地	地	地	地	地	地	地			